



jīn shǔ
金属

Noun · metal

Example Sentences

zhè shì jīn shǔ
这是金属。

This is metal.

nǐ què dìng zhè ge shǒu shì bú shì jīn shǔ ér shì mǒu zhǒng sù liào ma
你确定这个首饰不是金属，而是某种塑料吗？

Are you sure this jewelry is not metal, but some kind of plastic?

tiě shì yī zhǒng cháng jiàn de jīn shǔ
铁是一种常见的金属。

Iron is a common metal.

Trace each character, then write the word on your own.

金	金	金	金	金	金	金	金	金	金	金
属	属	属	属	属	属	属	属	属	属	属
属	属	属	属							